

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST
Ngày 11/9/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Kiều Trung

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Lan
2. Ông Bùi Quốc Thìn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 197/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Chế Thị Kim T, sinh năm 1993; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội X, thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Quốc K, sinh năm 1990; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cư trú tại: xóm N, thôn V, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại bản tự khai và tại các buổi làm việc, nguyên đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Trương Quốc K tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý và anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 03/02/2015 theo giấy chứng nhận kết hôn số 11/2015, quyển sổ 01/2015 của Xóm N, thôn V, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi..

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ đẻ của chị và sinh được một con chung. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh K nhiều lần vay mượn tiền của người khác nhưng không nói cho vợ con biết mục đích, lý do dẫn đến nợ nần. Vợ chồng sống chung với nhau nhưng không có niềm tin, không thành thật trong quan hệ vợ chồng. Vào năm 2019, chị đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với anh K nhưng sau đó vợ chồng tự đoàn tụ, về sống chung với nhau được một thời gian. Tuy nhiên, anh K vẫn tục tục vay mượn tiền, tiếp tục nợ nần dẫn đến vợ mất niềm tin. Từ đầu năm 2021 đến nay, vợ chồng không còn sống chung, anh K về nhà cha mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng không còn liên hệ với nhau. Nay chị thấy rằng giữa vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung với nhau và cũng không thể hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn. Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Anh Trương Quốc K.

Về con chung: Giữa vợ chồng có một con chung tên là Trương Ngọc Gia H, sinh ngày 12/7/2015, hiện anh K đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị đồng ý giao con chung cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh thống nhất như lời trình bày của Chị Chế Thị Kim T về việc anh chị có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B vào năm 2015 và giữa vợ chồng có một con chung như chị T trình bày. Thời gian qua, vợ chồng không còn sống chung với nhau, anh và con chung sinh sống tại xã B còn chị T vào Thành phố H sinh sống. Việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh thấy rằng giữa vợ chồng không còn sống chung, hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể đoàn tụ được nên anh đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Giữa anh chị có một con chung như chị T trình bày, hiện anh đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì anh không đồng ý, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung này.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc các đương sự vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

+ Về con chung: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã đồng ý giao con chung cho bị đơn chăm sóc, nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị đơn, giao con chung chưa thành niên cho bị đơn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ Việc cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn không yêu cầu nên không xét.

+ Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xét.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

+ Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chế Thị Kim T và Anh Trương Quốc K có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Xóm N, thôn V, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. vào ngày 03/02/2015 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng không sống chung với nhau trong thời gian dài.

Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, anh K xác nhận giữa vợ chồng không còn sống chung thời gian dài, không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau và anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Việc giữa nguyên đơn và bị đơn xác định giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Chế Thị Kim T.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử thấy rằng hiện anh K đang chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và trong quá trình giải quyết vụ án, chị T đồng ý giao con chung cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, việc anh K yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về quan hệ nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Chế Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí.

[8] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chế Thị Kim T được ly hôn Anh Trương Quốc K.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Ngọc Gia H, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2015 cho Anh Trương Quốc K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (cháu H đang ở cùng anh K).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh K không yêu cầu nên không xét.

4. Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

6. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Chế Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu số tiền chị đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003642, ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nguyên đơn và bị đơn nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa
(Đăng ký kết hôn số 11, ngày 03/02/2015);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung

